CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0303490096, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.10.30 17:50:11+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 31

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2025, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh lần thứ 43 số 0303490096 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ 287.360.000.000 VND lên 293.769.740.000 VND.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 44 số 0303490096 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- quảng cáo thương mại;
- dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch	
Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	
Ông Ngô Vi Hải Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Wong Kelly Yin Hon	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao	
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG	bổ nhiệm lại ngày 08 tháng 10 năm 2025
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
VNG
0303490096

Wong Kelly Yin Hon
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.798.749.556.430**	**1.268.948.101.699**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***1.946.546.648.830***	***661.033.097.236***
111	1. Tiền		461.046.648.830	661.033.097.236
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.485.500.000.000	-
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***5.250.000.000***	***6.750.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5	5.250.000.000	6.750.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***637.753.052.168***	***432.049.238.640***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	322.543.326.948	322.204.689.491
132	2. Trả trước người bán ngắn hạn		28.283.396.054	4.342.070.768
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	288.372.729.707	106.679.190.285
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.446.400.541)	(1.176.711.904)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***6.869.158.086***	***8.039.843.225***
141	1. Hàng tồn kho	8	7.954.932.015	8.973.228.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(1.085.773.929)	(933.385.025)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***202.330.697.346***	***161.075.922.598***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	186.794.763.572	145.540.150.458
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.511.103	1.349.469
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		15.534.422.671	15.534.422.671
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.671.818.501.972**	**3.051.675.914.797**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***4.539.990.487***	***4.773.590.487***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.539.990.487	4.773.590.487
220	***II. Tài sản cố định***		***577.011.493.048***	***596.220.358.981***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	485.140.410.570	511.389.221.106
222	Nguyên giá		892.102.906.882	893.171.471.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(406.962.496.312)	(381.782.250.191)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	91.871.082.478	84.831.137.875
228	Nguyên giá		773.212.946.551	738.597.287.156
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(681.341.864.073)	(653.766.149.281)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***62.086.752.612***	***46.091.610.825***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	62.086.752.612	46.091.610.825
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***12***	***1.926.949.233.556***	***2.297.908.754.512***
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	6.958.913.611.378	6.843.762.611.378
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	1.095.359.284.167	1.261.649.300.772
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12	(6.127.323.661.989)	(5.807.503.157.638)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***101.231.032.269***	***106.681.599.992***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	101.231.032.269	106.681.599.992
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**5.470.568.058.402**	**4.320.624.016.496**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG *(tiếp theo)*
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.053.950.604.349**	**3.760.269.125.589**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***4.806.928.213.550***	***3.689.378.045.616***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	590.785.364.649	631.303.445.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		41.850.998.118	35.967.097.041
313	3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	15	186.648.430.015	71.439.459.037
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.116.818.216.968	979.904.992.072
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.950.292.272.633	1.353.946.055.975
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	37.169.617.407	58.775.998.462
320	7. Vay ngắn hạn	20	883.363.313.760	558.040.997.116
330	***II. Nợ dài hạn***		***247.022.390.799***	***70.891.079.973***
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	229.668.058.199	50.404.166.823
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	643.915.600	586.217.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	16.710.417.000	19.900.696.150
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**416.617.454.053**	**560.354.890.907**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***21***	***416.617.454.053***	***560.354.890.907***
411	1. Vốn cổ phần		293.769.740.000	287.360.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*293.769.740.000*	*287.360.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(47.218.780.807)	(60.038.260.807)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		170.066.494.860	333.033.151.714
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*333.033.151.714*	*2.141.135.095.248*
421b	*- Lỗ sau thuế kỳ này*		*(162.966.656.854)*	*(1.808.101.943.534)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**5.470.568.058.402**	**4.320.624.016.496**

Hoàng Thị Huệ	Lê Trung Tín	Lê Hồng Minh
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Quý III*		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22.1**	**1.632.659.845.364**	**1.392.646.565.867**	**4.033.581.191.796**	**3.761.506.740.504**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**25**	**(1.033.761.787.995)**	**(861.156.555.287)**	**(2.610.541.430.680)**	**(2.366.848.025.131)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**598.898.057.369**	**531.490.010.580**	**1.423.039.761.116**	**1.394.658.715.373**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**22.2**	**8.423.809.421**	**3.896.165.831**	**31.339.042.159**	**20.481.543.657**
22	**5. Chi phí tài chính**	**23**	**(78.243.877.249)**	**(102.966.136.533)**	**(454.124.116.298)**	**(1.670.887.107.713)**
	Trong đó: Chi phí lãi vay		*(9.210.587.334)*	*(13.200.276.400)*	*(22.606.630.112)*	*(40.068.676.012)*
25	**6. Chi phí bán hàng**	**25**	**(255.871.029.787)**	**(202.599.769.103)**	**(585.025.697.479)**	**(539.764.801.070)**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**25**	**(209.174.073.610)**	**(219.988.076.889)**	**(582.098.970.365)**	**(646.800.574.293)**
30	**8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**64.032.886.144**	**9.832.193.886**	**(166.869.980.867)**	**(1.442.312.224.046)**
31	**9. Thu nhập khác**	**24**	**1.106.721.377**	**523.690.016**	**11.539.536.594**	**1.441.324.520**
32	**10. Chi phí khác**	**24**	**1.941.834.360**	**(375.147.489)**	**(7.636.212.581)**	**(1.427.129.570)**
40	**11. Lợi nhuận khác**		**3.048.555.737**	**148.542.527**	**3.903.324.013**	**14.194.950**
50	**12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế**		**67.081.441.881**	**9.980.736.413**	**(162.966.656.854)**	**(1.442.298.029.096)**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**		**-**	**-**	**-**	**-**
52	**14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		**-**	**-**	**-**	**-**
60	**15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN**		**67.081.441.881**	**9.980.736.413**	**(162.966.656.854)**	**(1.442.298.029.096)**

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(162.966.656.854)**	**(1.442.298.029.096)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10	92.753.626.604	98.275.182.459
03	Các khoản dự phòng		316.187.785.729	1.613.098.213.176
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23	1.227.510.037	69.207.273
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.005.878.134)	(9.785.543.817)
06	Chi phí lãi vay	23	22.606.630.112	40.068.676.012
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**242.803.017.494**	**299.427.706.007**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		76.332.974.610	(467.147.066.669)
10	Giảm hàng tồn kho		1.018.296.235	5.363.771.634
11	Tăng các khoản phải trả		982.060.471.021	639.643.149.260
12	Tăng chi phí trả trước		(35.804.045.391)	(55.439.066.436)
14	Lãi tiền vay đã trả		(22.454.155.753)	(40.304.263.769)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.243.956.558.216**	**381.544.230.027**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(90.256.716.473)	(89.463.136.565)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		11.232.779.665	964.967.662
24	Thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		1.500.000.000	50.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(286.151.000.000)	(1.777.114.567.012)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết		60.472.482.895	113.901.634.237
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		15.901.013.522	13.142.488.804
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(287.301.440.391)**	**(1.688.568.612.874)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		11.215.030.000	11.286.240.000
32	Hoàn trả đặt cọc mua cổ phần		(9.164.350.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.389.532.434.565	1.435.690.126.224
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(1.064.210.117.921)	(1.393.811.699.889)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**327.372.996.644**	**53.164.666.335**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG *(tiếp theo)*
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024*
50	**Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ**		**1.284.028.114.469**	**(1.253.859.716.512)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ**	**4**	**661.033.097.236**	**1.732.371.924.390**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**1.485.437.125**	**(245.801.179)**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**1.946.546.648.830**	**478.266.406.699**

Hoàng Thị Huệ	Lê Trung Tín	Lê Hồng Minh
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2025, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh lần thứ 43 số 0303490096 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ 287.360.000.000 VND lên 293.769.740.000 VND.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 44 số 0303490096 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- quảng cáo thương mại;
- dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 1.528 người (31 tháng 12 năm 2024: 1.519 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

3.4 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 cho thời hạn thuê đến ngày 23 tháng 9 năm 2041. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí nghiên cứu và triển khai (tiếp theo)

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển thì được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.9 *Các khoản đầu tư (tiếp theo)*

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí phải trả*

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán với mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong báo cáo tài chính riêng, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi khác, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua đơn vị ảo và dùng đơn vị ảo để mua vật phẩm ảo, điểm thưởng, các kĩ năng, các tính năng có trong trò chơi để nâng cấp, tăng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn thành. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác bao gồm:

- Dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng
- Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát; và
- Dịch vụ khác

Doanh thu của các dịch vụ nêu trên được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tiền mặt	805.422.930	634.144.916
Tiền gửi ngân hàng *(*)*	460.241.225.900	660.398.952.320
Các khoản tương đương tiền *(**)*	1.485.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	**1.946.546.648.830**	**661.033.097.236**

(*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, một phần tiền gửi ngân hàng đang bị giới hạn giao dịch liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động đến 4,75%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm, và hưởng lãi suất dao động đến 5,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu khách hàng	**152.974.425.739**	**101.626.500.954**
Apple INC.	87.005.259.812	59.006.579.192
Google INC.	19.208.085.027	16.975.732.700
Phải thu khách hàng khác	46.761.080.900	25.644.189.062
Phải thu các bên liên quan	**169.568.901.209**	**220.578.188.537**
TỔNG CỘNG	**322.543.326.948**	**322.204.689.491**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.446.400.541)	(1.176.711.904)
GIÁ TRỊ THUẦN	**321.096.926.407**	**321.027.977.587**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**288.372.729.707**	**106.679.190.285**
Tạm ứng góp vốn vào công ty con	250.000.000.000	79.000.000.000
Chi hộ	23.826.368.447	18.556.589.647
Tạm ứng cho nhân viên	10.410.810.405	8.413.626.666
Tiền lãi phải thu	1.300.680.822	228.973.972
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	778.883.776	480.000.000
Phải thu khác	2.055.986.257	-
Dài hạn – Đặt cọc	**4.539.990.487**	**4.773.590.487**
TỔNG CỘNG	**292.912.720.194**	**111.452.780.772**

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Công cụ, dụng cụ	3.334.596.880	-	5.245.576.275	-
Hàng khuyến mãi	4.620.335.135	(1.085.773.929)	3.727.651.975	(933.385.025)
TỔNG CỘNG	**7.954.932.015**	**(1.085.773.929)**	**8.973.228.250**	**(933.385.025)**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Thiết bị khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	655.391.075.259	5.727.224.683	45.959.108.984	136.011.953.893	50.082.108.478	893.171.471.297
Mua trong kỳ	-	-	3.545.588.880	5.219.002.846	1.166.270.000	9.930.861.726
Thanh lý	-	(2.653.165.000)	(1.247.453.636)	(6.593.795.867)	(30.772.000)	(10.525.186.503)
Xoá sổ	-	-	-	(474.239.638)	-	(474.239.638)
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	655.391.075.259	3.074.059.683	48.257.244.228	134.162.921.234	51.217.606.478	892.102.906.882
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(163.911.897.095)	(5.727.224.683)	(38.550.001.533)	(124.280.332.857)	(49.312.794.023)	(381.782.250.191)
Khấu hao trong kỳ	(23.342.695.829)	-	(3.607.944.285)	(7.734.922.865)	(294.487.380)	(34.980.050.359)
Thanh lý	-	2.653.165.000	447.056.356	6.194.571.244	30.772.000	9.325.564.600
Xoá sổ	-	-	-	474.239.638	-	474.239.638
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	(187.254.592.924)	(3.074.059.683)	(41.710.889.462)	(125.346.444.840)	(49.576.509.403)	(406.962.496.312)
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	491.479.178.164	-	7.409.107.451	11.731.621.036	769.314.455	511.389.221.106
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	468.136.482.335	-	6.546.354.766	8.816.476.394	1.641.097.075	485.140.410.570
Trong đó:						
Tài sản sử dụng làm tài sản đảm bảo	*468.136.482.335*	-	-	-	-	*468.136.482.335*

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm	*Tài sản vô hình khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	736.260.165.292	2.337.121.864	738.597.287.156
Mua trong kỳ	45.159.178.200	-	45.159.178.200
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	22.628.095.000	-	22.628.095.000
Thanh lý	(3.800.000.000)	-	(3.800.000.000)
Xoá sổ	(29.371.613.805)	-	(29.371.613.805)
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	770.875.824.687	2.337.121.864	773.212.946.551
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(651.429.027.417)	(2.337.121.864)	(653.766.149.281)
Khấu hao trong kỳ	(57.773.576.245)	-	(57.773.576.245)
Dự phòng tổn thất tài sản	1.739.171.163	-	1.739.171.163
Thanh lý	3.800.000.000	-	3.800.000.000
Xoá sổ	24.658.690.290	-	24.658.690.290
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	(679.004.742.209)	(2.337.121.864)	(681.341.864.073)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	84.831.137.875	-	84.831.137.875
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	91.871.082.478	-	91.871.082.478

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	59.833.566.612	46.091.610.825
Khác	2.253.186.000	-
TỔNG CỘNG	**62.086.752.612**	**46.091.610.825**

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 12.1)*	6.958.913.611.378	6.843.762.611.378
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 12.2)*	1.095.359.284.167	1.261.649.300.772
TỔNG CỘNG	**8.054.272.895.545**	**8.105.411.912.150**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.127.323.661.989)	(5.807.503.157.638)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.926.949.233.556**	**2.297.908.754.512**

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN *(tiếp theo)*

12.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		*Địa điểm*	*Ngành nghề kinh doanh chính*
	Tỷ lệ sở hữu (%)	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá trị đầu tư (VND)*		
Công ty Cổ phần Zion	99,999	5.589.651.547.562	99,999	5.549.651.547.562	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("VinaData") *(*)*	99,989	898.100.000.000	99,989	898.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông
Công ty TNHH Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang web, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Công ty TNHH VNG Online Việt Nam	100,00	40.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cổng thông tin và sản xuất phần mềm các loại

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN *(tiếp theo)*

12.1 *Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)*

Tên công ty	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		*Địa điểm*	*Ngành nghề kinh doanh*
	Tỷ lệ sở hữu (%)	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá trị đầu tư (VND)*		
Công ty TNHH ZIE	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
Công ty Cổ phần A4B	100,00	15.152.000.000	69,80	15.001.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm
Công ty TNHH 2MOREBITS	100,00	20.000.000.000	-	-	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm
Công ty TNHH Zingplay Việt Nam	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
Công Ty TNHH Zalo Platforms	100,00	10.000.000.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cổng thông tin
Công Ty TNHH VNGGAMES	100,00	6.000.000.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
Quỹ Kiến tạo Ước mơ	100,00	-	100,00	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận
TỔNG CỘNG		**6.958.913.611.378**		**6.843.762.611.378**		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.481.714.979.371)		(4.991.732.853.069)		
GIÁ TRỊ THUẦN		**1.477.198.632.007**		**1.852.029.758.309**		

(*) 40.000.000 (bốn mươi triệu) cổ phần của VinaData được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN *(tiếp theo)*

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
	Tỷ lệ sở hữu %	*Giá trị đầu tư VND*	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Giá trị đầu tư VND*
Telio Pte., Ltd.	16,55	515.273.409.170	16,55	515.273.409.170
Funding Asia Group Pte. Ltd.	2,23	261.965.874.997	3,4	284.746.435.385
Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH	35,00	180.000.000.000	35,00	180.000.000.000
Công ty Cổ phần DayOne Holding	22,24	138.120.000.000	22,46	138.120.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	-	-	23,94	143.509.456.217
TỔNG CỘNG		**1.095.359.284.167**		**1.261.649.300.772**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(645.608.682.618)		(815.770.304.569)
GIÁ TRỊ THUẦN		**449.750.601.549**		**445.878.996.203**

Telio Pte., Ltd. ("Telio")

Telio được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp 201902507W ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại 10 Anson Road, #16-04, International Plaza, Singapore 079903. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty nắm giữ 16,55% quyền sở hữu của Telio, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) người của Ban Giám đốc và có ảnh hưởng đáng kể trong Telio.

Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")

Funding Asia được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp 201537647E vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Asia có trụ sở chính tại 112 Robinson Road, #08-01, Robinson 112, Singapore 068902. Hoạt động chính của Funding Asia là công ty đầu tư.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty nắm giữ 2,23% quyền sở hữu của Funding Asia, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) người của Ban Giám đốc và có ảnh hưởng đáng kể trong Funding Asia.

Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")

VTH được thành lập theo GCNĐKKD số 0317484078 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2022. VTH có trụ sở chính tại Z06 Đường 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VTH là đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho thuê văn phòng.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty nắm giữ 35% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của VTH.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN *(tiếp theo)*

12.2 *Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 03 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A đường Phan Đăng Lưu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2025, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với một bên thứ ba để chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Ecotruck. Giao dịch trên đã hoàn tất vào ngày 21 tháng 8 năm 2025. Theo đó, Ecotruck không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")

DayOne Holding được thành lập theo GCNĐKKD số 0318506038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 6 năm 2024. DayOne Holding có trụ sở chính tại Số 102 đường Nguyễn Đình Chính, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne Holding là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty nắm giữ 22,24% quyền sở hữu của DayOne Holding.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**186.794.763.572**	**145.540.150.458**
Chi phí kênh phân phối	104.164.369.551	58.022.366.330
Phí phần mềm	51.134.126.672	62.792.167.717
Chi phí dịch vụ trả trước	26.969.800.900	21.471.865.274
Bản quyền âm nhạc	4.187.986.125	2.002.458.465
Khác	338.480.324	1.251.292.672
Dài hạn	**101.231.032.269**	**106.681.599.992**
Tiền thuê đất trả trước (*)	68.989.459.847	72.691.266.249
Chi phí kênh phân phối	11.064.259.723	2.514.203.554
Công cụ, dụng cụ	10.607.022.494	16.515.027.890
Chi phí sửa chữa văn phòng	5.522.589.776	8.586.265.919
Bản quyền âm nhạc	3.139.916.888	5.563.858.740
Khác	1.907.783.541	810.977.640
TỔNG CỘNG	**288.025.795.841**	**252.221.750.450**

(*) Tiền thuê đất trả trước được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải trả người bán	**125.736.400.873**	**249.666.951.988**
Haegin Company Limited	42.592.869.231	8.212.535.988
Seasun Games Corporation Limited	4.464.944.910	75.618.901.043
Phải trả người bán khác	78.678.586.732	165.835.514.957
Phải trả các bên liên quan	**465.048.963.776**	**381.636.493.925**
TỔNG CỘNG	**590.785.364.649**	**631.303.445.913**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Thuế giá trị gia tăng	160.622.604.853	41.796.531.040
Thuế nhà thầu nước ngoài	19.303.682.157	23.285.639.078
Thuế thu nhập cá nhân	6.722.143.005	6.357.288.919
TỔNG CỘNG	**186.648.430.015**	**71.439.459.037**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phí phần mềm	734.636.391.040	561.429.527.008
Chi phí lương	173.001.531.556	172.919.237.120
Chi phí quảng cáo	108.325.684.808	16.175.710.304
Chi phí phải trả khác	100.854.609.564	229.380.517.640
TỔNG CỘNG	**1.116.818.216.968**	**979.904.992.072**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**1.950.292.272.633**	**1.353.946.055.975**
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.683.897.979.336	1.227.922.756.454
Dịch vụ giá trị gia tăng cho người dùng	186.090.690.882	52.132.491.724
Dịch vụ quảng cáo	45.539.363.279	45.563.818.364
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	18.328.818.442	12.046.114.194
Khác	16.435.420.694	16.280.875.239
Dài hạn	**229.668.058.199**	**50.404.166.823**
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	229.633.609.406	50.308.780.055
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	29.005.018	89.942.993
Khác	5.443.775	5.443.775
TỔNG CỘNG	**2.179.960.330.832**	**1.404.350.222.798**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**37.169.617.407**	**58.775.998.462**
Thuế nhà thầu nước ngoài	23.162.594.795	26.668.350.889
Đặt cọc mua cổ phần	11.957.530.000	29.136.070.000
Kinh phí công đoàn	1.869.754.892	1.542.848.502
Phải trả khác	179.737.720	1.428.729.071
Dài hạn - Nhận đặt cọc	**643.915.600**	**586.217.000**
TỔNG CỘNG	**37.813.533.007**	**59.362.215.462**

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.11.

20. VAY NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*
Vay ngắn hạn (*)	558.040.997.116	1.389.532.434.565	(1.064.210.117.921)	883.363.313.760

(*) Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025 (VND)*	*Kỳ trả hạn gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 9, 12.1 và 13)*
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	883.363.313.760	Từ ngày 3 tháng 10 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026	5,5	*(i)* Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất Số 24, tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. *(ii)* 40.000.000 (bốn mươi triệu) cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty trong VinaData.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	287.360.000.000	(60.038.260.807)	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(1.442.298.029.096)	(1.442.298.029.096)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	287.360.000.000	(60.038.260.807)	698.837.066.152	926.158.805.345
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	287.360.000.000	(60.038.260.807)	333.033.151.714	560.354.890.907
Phát hành cổ phiếu mới ESOP	6.409.740.000	12.819.480.000	-	19.229.220.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(162.966.656.854)	(162.966.656.854)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	293.769.740.000	(47.218.780.807)	170.066.494.860	416.617.454.053

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024*
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	3.232.309.011.048	3.070.920.664.377
Dịch vụ thông báo Zalo	254.125.542.175	168.060.474.560
Dịch vụ tăng thêm cho người dùng	187.989.082.666	21.612.703.845
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	166.411.613.617	400.661.486.009
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	55.103.643.576	44.308.124.195
Dịch vụ cho thuê	27.058.208.154	32.256.818.181
Khác	110.584.090.560	23.686.469.337
TỔNG CỘNG	**4.033.581.191.796**	**3.761.506.740.504**

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024*
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	14.366.321.787	10.337.690.471
Cổ tức được chia	11.290.796.841	-
Tiền lãi	5.681.923.531	10.143.853.186
TỔNG CỘNG	**31.339.042.159**	**20.481.543.657**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024*
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	319.820.504.351	1.619.357.206.844
Lỗ từ hoạt động đầu tư	105.817.533.710	-
Chi phí lãi vay	22.606.630.112	40.068.676.012
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.651.938.088	10.584.739.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.227.510.037	876.485.273
TỔNG CỘNG	**454.124.116.298**	**1.670.887.107.713**

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024*
Thu nhập khác	**11.539.536.594**	**1.441.324.520**
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	10.429.726.037	919.209.651
Thu nhập khác	1.109.810.557	522.114.869
Chi phí khác	**(7.636.212.581)**	**(1.427.129.570)**
Lỗ do xóa sổ tài sản	(1.716.003.530)	-
Dự phòng tổn thất tài sản	(1.257.748.822)	(970.075.882)
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	(358.309.369)
Chi phí khác	(4.662.460.229)	(98.744.319)
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	**3.903.324.013**	**14.194.950**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024*
Chi phí bản quyền phần mềm	1.333.004.955.593	1.087.017.936.676
Chi phí nhân viên	993.154.695.199	951.873.774.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	782.890.395.141	862.520.494.914
Chi phí quảng cáo	527.759.745.455	499.113.841.825
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 9 và 10)*	92.753.626.604	98.275.182.459
Công cụ, dụng cụ	20.830.354.996	31.731.602.409
Chi phí khác	27.272.325.536	22.880.568.010
TỔNG CỘNG	**3.777.666.098.524**	**3.553.413.400.494**

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐQT-VNGG ngày 19 tháng 8 năm 2025, Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Verichains, tương đương 60% tỷ lệ sở hữu, cho một đối tác. Giao dịch trên đã hoàn tất vào ngày 23 tháng 10 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Verichains giảm còn 40% và Verichains trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Hoàng Thị Huệ	Lê Trung Tín	Lê Hồng Minh
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật

Ngày 30 tháng 10 năm 2025